TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 397/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2020
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Bích Thuận

2. Bà Lê Thị Phương Loan

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 892/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Như T, sinh năm 1990; địa chỉ: 995/86A đường H, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn R, sinh năm 1984; địa chỉ 995/86A đường H, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 19/12/2019, bản tự khai ngày 17/01/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Như T trình bày: Bà và ông Lê Văn R tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/3/2016. Sau 01 (một) năm kết hôn, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông R không lo đến việc chăm sóc gia đình, thường đi uống bia qua đêm, không về nhà. Nhiều lần bà đã nói chuyện, khuyên răn nhưng ông R vẫn không thay đổi. Về sau giữa ông R và cha mẹ vợ xảy ra bất hòa, ông R có thái độ xem thường và không tôn trọng cha mẹ vợ, từ đó vợ chồng thường xuyên có gây cãi với nhau, mỗi lần gây cãi ông R lại chửi mắng cha mẹ vợ. Bà đã nhiều lần cho ông R cơ hội sửa đổi tính tình, nhưng ông R không thay đổi và mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống ly

thân với nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn R.

Về con chung: Bà và ông Lê Văn R không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

- *Bị đơn ông Lê Văn R vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai*.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tham gia tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: bà Lê Thị Như T và ông Lê Văn R tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông R là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Theo bà T trình bày thì sau khi chung sống với nhau được 01 (một) năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông R thường xuyên đi nhậu qua đêm, không chăm lo cho gia đình và không tôn trọng cha mẹ vợ. Từ năm 2019 đến nay thì vợ chồng bà T đã sống ly thân với nhau. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì ông R cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông R đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị, Hội đồng xét xử cho bà T được ly hôn với ông R là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: bà T khai không có. Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có nên không đề cập giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Như T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn R, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6 đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn R theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, để triệu tập ông Lê Văn R đến Tòa án nhân dân Quận 6 làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Nhưng ông Lê Văn R đều vắng mặt không có lý do. Xét việc ông Lê Văn R là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Lê Văn R.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

- Xét quan heä hoân nhaân:

Bà Lê Thị Như T và ông Lê Văn R tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/3/2016. Nên căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị Như T và ông Lê Văn R là hợp pháp.

Theo như bà T trình bày thì trong thời gian sống chung ông Lê Văn R không lo đến việc chăm sóc gia đình, thường đi uống bia qua đêm, không về nhà. Ông R có thái độ xem thường và không tôn trọng cha mẹ vợ, từ đó vợ chồng thường xuyên có gây cãi với nhau. Từ năm 2019 đến nay cả hai đã sống ly thân cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Vợ chồng vụ có nghĩa thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau…" nhưng giữa vợ chồng ông R và bà T đã không có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Từ năm 2019 đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Lê Văn R đến Tòa để ghi nhận ý kiến và tham gia phiên hòa giải để ông Lê Văn R có thể trình bày ý kiến nhằm giải tỏa vướng mắc của vợ chồng, xây dựng lại gia đình hạnh phúc, nhưng ông Lê Văn R không đến Tòa án. Điều này chứng tỏ, ông Lê Văn R đã không còn tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định hôn nhân của bà T và ông R lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Lê Thị Như T được ly hôn với ông Lê Văn R là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: bà Lê Thị Như T khai không có con chung với ông Lê Văn R, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Như T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị Như T chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số: AA/2018/0011960, ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Như T

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Như T được ly hôn với ông Lê Văn R.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23 do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận F cấp ngày 08/3/2016 cho bà Lê Thị Như T và ông Lê Văn R không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị Như T khai không có. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Như T chịu án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/0011960, ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo : Bà Lê Thị Như T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn R có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Ủy ban nhân dân Phường L, Quận F
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn